

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Quý IV Năm 2012**

Chỉ tiêu	MS	TM	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hàng hoá và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	224,283,096,787	301,162,202,689	759,890,031,013	691,394,425,074
2. Các khoản giảm trừ	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-03)	10		224,283,096,787	301,162,202,689	759,890,031,013	691,394,425,074
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	212,236,011,536	271,456,313,235	724,699,971,721	639,521,532,053
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp Dịch vụ (20=10-11)	20		12,047,085,251	29,705,889,454	35,190,059,292	51,872,893,021
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	57,013,233	294,598,217	24,954,356,041	21,103,786,477
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	2,868,340,641	15,630,285,672	25,073,049,313	32,545,377,806
<i>Trong đó: Lãi vay</i>	23		<i>2,868,340,641</i>	<i>15,630,285,672</i>	<i>25,073,049,313</i>	<i>32,545,377,806</i>
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,568,695,705	4,406,340,494	16,437,600,322	23,732,766,702
10. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		4,667,062,138	9,963,861,505	18,633,765,698	16,698,534,990
11. Thu nhập khác	31		0	1,818,182	93,220,987	6,920,602,419
12. Chi phí khác	32		854,245,480	0	1,586,577,444	545,729,311
13. Lợi nhuận khác	40		(854,245,480)	1,818,182	(1,493,356,457)	6,374,873,108
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3,812,816,658	9,965,679,687	17,140,409,241	23,073,408,098
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	1,460,204,712	6,004,113,018	1,685,637,751	7,558,254,020
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	(364,625,856)	(61,546,796)	(711,963,780)	771,160,704
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	28	2,717,237,802	4,023,113,465	16,166,735,270	14,743,993,374
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Hà nội, ngày tháng năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh